

Sách Giô-ên và Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm An Thất Nhật La-ô-đi-xê - Số Mười Chín

Jeff Pippenger

2025-12-25

Số mười chín

"Sư tử của chi phái Giu-đa" là một danh xưng của Chúa Giê-xu, nhấn mạnh công việc của Đấng Christ trong việc đóng ấn rồi mở ấn Lời tiên tri của Ngài. Trong chương năm của sách Khải Huyền, Sư tử của chi phái Giu-đa, cũng là gốc của Đa-vít, đã thắng để mở cuốn sách. "Gốc" của Đa-vít là Gie-sê, gốc của Gie-sê là Phá-rét, gốc của ông là Giu-đa, gốc của ông là Gia-cóp, gốc của ông là Y-sác, và gốc của ông là Áp-ra-ham. Khi gốc của Đa-vít hay của Gie-sê được nhắc đến cùng với Sư tử của chi phái Giu-đa, điều đó nhấn mạnh các nguyên tắc về sự khởi đầu và sự kết thúc, tức là An-pha và Ô-mê-ga. Khi Khải Huyền của Chúa Giê-xu Christ được mở ấn trong chương một của sách Khải Huyền, thuộc tính chủ yếu trong bản tính của Ngài là Ngài chính là An-pha và Ô-mê-ga. Chính con người Ngài cũng là nguyên tắc được dùng để mở ấn những lời tiên tri mà Sư tử của chi phái Giu-đa đã đóng ấn, khi Ngài quyết định rằng đã đến lúc.

Sự mở ấn Lời tiên tri của Đức Chúa Trời là một yếu tố trong công cuộc cứu chuộc của Ngài, khi Ngài dùng quyền năng Lời của Ngài để gây nên những cuộc phục hưng theo ý muốn Ngài. Bà White nói rằng khi các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền được hiểu rõ hơn, giữa chúng ta sẽ xuất hiện một cuộc phục hưng lớn. Chính ánh sáng của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời tạo nên sự phục hưng và cải cách theo ý muốn Ngài.

Khi nhìn đến thời kỳ cuối cùng, Bà White nói đến một cuộc cải chánh lớn diễn ra giữa dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Các cuộc phục hưng và cải chánh trong lịch sử thánh đều xuất phát từ Lời Đức Chúa Trời, và mỗi thời kỳ thánh ấy đều chỉ về cuộc phục hưng và cải chánh lớn sau cùng sẽ khởi đầu ít lâu trước khi có đạo luật ngày Chủ nhật. Những cuộc phục hưng ấy xảy ra do Lời Đức Chúa Trời được mở ấn. Bảy tiếng sấm đã được niêm phong, cũng như sách Đa-ni-ên đã được niêm phong trong chương mười hai.

Khi áp dụng những đặc điểm tiên tri của một thời kỳ tàn lụi gắn liền với biểu tượng 1260, chúng ta thấy rằng trong Khải Huyền chương 11, Môi-se và Ê-li nằm chết trên đường phố suốt ba ngày rưỡi. Đến câu 18, thời điểm cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã đến. Môi-se và Ê-li đại diện cho dân sự của Đức Chúa Trời ngay trước khi thời kỳ ân điển dành cho loài người khép lại. Họ bị tàn lụi suốt 1260 ngày mang tính biểu tượng trên các đường phố của Sô-đôm và Ai Cập, nơi Chúa Giê-su đã bị đóng đinh.

Môi-se và Ê-li-a được ban quyền để làm chứng từ câu ba cho đến câu bảy, nơi họ bị giết trên đường phố. Giăng đã đo xong đền thờ ở câu hai, rồi Môi-se và Ê-li-a được ban quyền để làm chứng, mặc bao gai. Thông điệp của Ê-li-a và Môi-se đã được trao cho Phục Lâm Millerite Philadelphian vào năm 1844, và đến năm 1863, tiếng nói của họ đã bị chôn vùi dưới những phong tục và truyền thống được truyền từ đời này sang đời khác. Họ được ban quyền để làm chứng trong

ba năm rưỡi, mặc "bao gai", biểu tượng của bóng tối ngày càng gia tăng kể từ năm 1863 trở đi.

Khi chúng ta áp dụng định nghĩa của Bà White về bảy tiếng sấm như đại diện cho các sự kiện của thiên sứ thứ nhất và thứ hai theo phương pháp dòng trên dòng, chúng ta xây dựng một lịch sử bắt đầu với một thiên sứ giáng xuống mang một sứ điệp; nhưng theo dòng trên dòng, thiên sứ ấy vừa là thiên sứ thứ nhất vừa là thiên sứ thứ hai. Một vị đặt một chân trên đất và một chân trên biển vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, và vị kia đến tại cuộc thất vọng ngày 19 tháng 4 năm 1844.

Cột mốc tiếp theo trong mỗi dòng lịch sử song song là bàn tay của Đức Chúa Trời, vốn gắn liền với các bảng của Ha-ba-cúc. Với thiên sứ thứ nhất, bảng 1843 được xuất bản, nhưng có một sai sót trong một số con số. Đến thiên sứ thứ hai, bàn tay của Đức Chúa Trời là một cột mốc của các bảng của Ha-ba-cúc; điều đó được bày tỏ khi Ngài cất tay khỏi chỗ sai lầm ấy. Khi Ngài cất tay, sứ điệp đã dần dần phát triển cho đến đỉnh điểm tại hội trại Exeter, ngay trước sự thất vọng ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Hai dòng chỉ ra một sứ điệp toàn cầu, vì thiên sứ đến đặt một chân trên đất và một chân trên biển, và sự soi dẫn cho chúng ta biết điều này biểu trưng cho một sứ điệp toàn cầu. Thiên sứ cũng cho biết sự khởi đầu của thời kỳ chậm trễ trong dụ ngôn mười trinh nữ. Ở cột mốc đầu tiên này, chúng ta cũng thấy bàn tay của Đức Chúa Trời làm nảy sinh một lời nói dối. Vào ngày 19 tháng 4 năm 1844, về mặt tiên tri, dường như khái tượng đã nói dối; nhưng những ai kiên nhẫn đã chờ đợi, và dấu khái tượng chậm trễ, nó không nói dối. Nhưng khi dòng thời gian mà chúng ta đang xây dựng bắt đầu, lời nói dối của sự thất vọng lần thứ nhất được đánh dấu như một đặc trưng của cột mốc đầu tiên.

Như vậy, dấu mốc về bàn tay của Đức Chúa Trời và những tấm bảng của Ha-ba-cúc cho thấy Đức Chúa Trời che phủ một sai lầm rồi rút tay Ngài khỏi sai lầm đó. Trong lịch sử của phong trào Miller, sai lầm ấy đã được Đức Chúa Trời cho phép vào tháng 5 năm 1842, khi biểu đồ được in, và sau đó được bày tỏ khi năm 1843 kết thúc; nhưng một thời gian sau đó, Chúa mới rút tay Ngài khỏi sai lầm trong các con số. Sai lầm ấy kéo dài từ tháng 5 năm 1842 cho đến một thời điểm nào đó sau lần thất vọng thứ nhất. Đối với thiên sứ thứ nhất, bàn tay của Đức Chúa Trời và những tấm bảng của Ha-ba-cúc được đánh dấu vào tháng 5 năm 1842, nhưng việc Ngài rút tay trong lịch sử của thiên sứ thứ hai sẽ diễn ra không lâu sau lần thất vọng thứ nhất.

Điều này xác định cột mốc "bàn tay" là một thời kỳ tiên tri. Một thời kỳ bắt đầu khi bàn tay Ngài che phủ một sai lầm, và kết thúc khi bàn tay Ngài được rút khỏi sai lầm ấy. Thời kỳ bàn tay Ngài che phủ rồi vén mở này là một minh họa về công việc của Sư Tử của chi phái Giu-đa khi Ngài đóng ấn rồi mở ấn ánh sáng tiên tri. Ngài đã che khuất lẽ thật, rồi bày tỏ chính lẽ thật ấy—dưới một ánh sáng khác không mâu thuẫn với ánh sáng ban đầu. Ngài làm như vậy để đem lại cuộc phục hưng và cải cách của Tiếng Kêu Nửa Đêm trong phong trào Miller.

Thời kỳ trì hoãn, khởi đầu với sự xuất hiện của thiên sứ, đã kết thúc khi bàn tay của Ngài được rút lại, qua đó mở ấn ánh sáng tiên tri, khởi phát phong trào "tháng thứ bảy" dẫn đến sứ điệp Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm tại kỳ nhóm trại Exeter, nơi sứ điệp trở thành một làn sóng triều dâng, cho đến khi cánh cửa đóng lại trong kỳ Đại Thất Vọng. Sự bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời qua việc mở ấn Lời Ngài đã tạo nên một cuộc phục hưng và cải chánh ngày càng gia tăng.

Năm 1863, phong trào Millerite Laodicê bị cấm vượt qua sông Giô-đanh và bị đẩy vào đồng vắng vì đã ném đá Ê-li và Mô-i-se. Thông điệp của William Miller là thông điệp của Ê-li, và thông điệp nền tảng của Miller là “bảy lần” của Mô-i-se. Khước từ “bảy lần” tức là giết Mô-i-se, và khước từ lẽ thật nền tảng do Miller trình bày tức là giết Ê-li. Năm 1863, sứ giả và thông điệp đã bị sát hại giữa đường phố, và từ đó trở đi, cách duy nhất để tìm họ là tìm mộ của họ trong những nẻo xưa của Giê-rê-mi. Họ đã chết giữa đường phố—tức là cho đến khi họ được sống lại. Họ được sống lại khi những “sự kiện tương lai của bảy tiếng sấm” sẽ được “tỏ ra theo thứ tự của chúng” được lặp lại—trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Khi lịch sử của thiên sứ thứ nhất được đặt chồng lên lịch sử của thiên sứ thứ hai, cấu trúc tiên tri tạo ra một điểm tham chiếu để theo bàn tay của Đấng Christ, là ánh sáng trên con đường của Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm. Ánh sáng ban đầu của Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm soi sáng con đường, và chính ánh sáng từ “cánh tay phải vinh hiển” của Ngài dẫn dắt bước đi trên con đường ấy.

Tôi dường như được bao quanh bởi ánh sáng, và được nâng lên, ngày càng cao khỏi mặt đất. Tôi quay lại để tìm những người trông đợi sự tái lâm trên thế gian, nhưng không thấy họ; bây giờ có một tiếng nói phán với tôi: 'Hãy nhìn lại, và nhìn lên cao hơn một chút.' Nghe vậy, tôi ngược mắt lên và thấy một con đường thẳng và hẹp, ở cao tít trên thế gian. Trên con đường ấy, những người trông đợi sự tái lâm đang đi đến thành ở tận cuối con đường. Họ có một ánh sáng rực rỡ được dựng lên phía sau họ, ở đầu con đường, và một thiên sứ cho tôi biết đó là 'tiếng kêu nửa đêm.' Ánh sáng ấy chiếu suốt dọc con đường và soi lối cho bước chân họ, để họ không vấp ngã.

Nếu họ giữ mắt chăm chú nhìn vào Chúa Giê-su, Đấng ở ngay trước mặt họ, dẫn họ đến thành, thì họ được an toàn. Nhưng chẳng bao lâu, một số người trở nên mệt mỏi và nói rằng thành còn rất xa, và họ mong rằng lẽ ra đã vào đó từ trước. Bây giờ Chúa Giê-su khích lệ họ bằng cách giơ cao cánh tay phải vinh hiển của Ngài, và từ cánh tay ấy phát ra một luồng sáng chiếu rọi trên đoàn người trông đợi, và họ reo lên: “Ha-lê-lu-gia!” Những người khác thì hấp tấp chối bỏ ánh sáng phía sau họ, và nói rằng chẳng phải Đức Chúa Trời đã dẫn họ ra xa đến thế. Ánh sáng phía sau họ tắt mất, bỏ mặc bước chân họ trong bóng tối hoàn toàn; họ vấp ngã, mất dấu mục tiêu và mất Chúa Giê-su khỏi tầm mắt, rồi rơi khỏi con đường, lao xuống thế gian tối tăm và gian ác bên dưới. Kinh nghiệm và giáo huấn Cơ Đốc của Ellen G. White, 57.

Khi Đấng Christ giơ cánh tay vinh hiển của Ngài, Ngài dùng "bàn tay" của mình như một biểu tượng cho công việc dẫn dắt dân sự của Ngài. Khi chúng ta kết hợp sự xuất hiện của thiên sứ thứ hai với thiên sứ thứ nhất, Đấng đã giáng xuống vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, chúng ta thấy cả hai thiên sứ đều có một sứ điệp trong tay.

Tôi được cho thấy mối quan tâm mà toàn thể thiên đàng đã dành cho công việc đang diễn ra trên đất. Chúa Giê-su sai một thiên sứ quyền năng giáng xuống để cảnh báo dân cư trên đất hãy chuẩn bị cho sự tái lâm của Ngài. Khi thiên sứ rời khỏi sự hiện diện của Chúa Giê-su trên trời, một luồng ánh sáng vô cùng rực rỡ và vinh hiển đi trước ngài. Tôi được cho biết rằng sứ mạng của ngài là soi sáng khắp đất bằng vinh quang của ngài và cảnh báo loài người về cơn thịnh nộ sắp đến của Đức Chúa Trời. ...

Một thiên sứ quyền năng khác được ủy nhiệm giáng xuống trần gian. Đức Chúa Giê-xu đặt vào tay ngài một văn bản, và khi ngài đến trần gian, ngài kêu lớn: 'Ba-by-lôn đã đổ, đã đổ.' Bấy giờ tôi thấy những người thất vọng lại ngược mắt lên trời, nhìn với đức tin và hy vọng sự hiện đến của Chúa họ. Nhưng nhiều người dường như vẫn ở trong một trạng thái đờ đẫn, như thể đang ngủ; tuy vậy tôi vẫn thấy dấu vết của nỗi buồn sâu thẳm trên gương mặt họ. Những người thất vọng thấy từ Kinh Thánh rằng họ đang ở trong thời kỳ trì hoãn, và rằng họ phải kiên nhẫn chờ đợi sự ứng nghiệm của khái tượng. Chính những bằng chứng đã dẫn họ trông đợi Chúa mình vào năm 1843 cũng dẫn họ trông mong Ngài vào năm 1844. Tuy nhiên, tôi thấy rằng phần đông không còn có nhiệt huyết đã đặc trưng cho đức tin của họ vào năm 1843. Sự thất vọng đã làm nguội lạnh đức tin của họ. Early Writings, 246, 247.

Cả hai vị thiên sứ là hai trong ba thiên sứ hợp lại thành một biểu tượng, vì vậy họ hài hòa về thông điệp mà họ đại diện, dù mỗi vị vẫn đại diện cho thông điệp riêng biệt của mình. Cả hai vị thiên sứ đều cầm một "văn bản" trong tay, tượng trưng cho một phép thử. "Thiên sứ thứ nhất và thứ hai phải chạy song song" với thiên sứ thứ ba.

Đức Chúa Trời đã dành cho các sứ điệp trong Khải Huyền 14 chỗ đứng trong dòng tiên tri, và công việc của chúng sẽ không chấm dứt cho đến khi lịch sử của trái đất này kết thúc. Các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai vẫn là lẽ thật cho thời này, và sẽ song hành với sứ điệp theo sau. Thiên sứ thứ ba công bố lời cảnh báo của mình bằng tiếng lớn. "Sau những điều ấy," Giảng nói, "tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn, và đất được chiếu sáng bởi vinh quang của ngài." Trong sự chiếu sáng này, ánh sáng của cả ba sứ điệp được kết hợp lại. Các Tài liệu 1888, 803, 804.

Bà White xác định rằng thiên sứ thứ ba chính là thiên sứ trong Khải Huyền mười tám, và cũng xác định rằng thiên sứ thứ nhất và thứ hai sẽ song hành với lịch sử tiên tri mà thiên sứ thứ ba trong Khải Huyền mười tám đại diện. Vì vậy, bà đang đặt sự giáng xuống của thiên sứ thứ nhất vào ngày 11 tháng 8 năm 1840 tương ứng với 9/11, và xác định rằng thiên sứ của Khải Huyền mười tám là "thiên sứ thứ ba." Thiên sứ thứ ba là vị cuối cùng trong ba vị và được tiêu biểu bởi vị thứ nhất; vì lý do này, Bà White cho biết sứ mạng của thiên sứ thứ nhất giống hệt sứ mạng của thiên sứ trong Khải Huyền mười tám, vì sứ mạng của cả hai thiên sứ là "làm sáng trái đất bằng vinh quang của mình."

"Bảy tiếng sấm" biểu thị một sự phác họa các sự kiện trong lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, những điều sẽ được lặp lại trong lịch sử của thiên sứ thứ ba. Sự linh hứng đã chỉ dẫn rằng khi chúng ta sắp đặt các lịch sử này "dòng trên dòng", sự giáng xuống của thiên sứ thứ nhất vào năm 1840 tương ứng với sự giáng xuống của Ngài vào 9/11. Điều đó xác định một sứ điệp thử thách phải được ăn cùng với hai nhân chứng, và liên hệ một sự thất vọng với cột mốc đầu tiên.

"Bảy tiếng sấm" tượng trưng cho thời kỳ tiên tri mở đầu bằng một sự thất vọng và kết thúc bằng một sự thất vọng lớn hơn.

Khi dòng tiên tri về sự giáng xuống của thiên sứ thứ nhất được căn chỉnh với sự đến của thiên sứ thứ hai, nó tạo ra "một cấu trúc của lẽ thật." Lẽ thật được định nghĩa như ba bước, trong đó bước thứ nhất và bước cuối cùng giống nhau, còn bước ở giữa đại diện cho sự phản nghịch. Căn chỉnh

hai thiên sứ đầu tiên theo thiết kế này tạo ra một cấu trúc gồm thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai, cấu trúc ấy minh họa thiên sứ thứ ba của Khải Huyền mười tám, và thiên sứ thứ ba của Khải Huyền mười tám là sự kết hợp của cả thiên sứ thứ nhất và thiên sứ thứ hai.

Thiên sứ thứ ba của Khải Huyền đoạn 18 gồm hai tiếng. Tiếng thứ nhất được ứng nghiệm khi các tòa nhà ở New York sụp đổ vào 9/11 và tiếng thứ hai của câu 4 là luật ngày Chủ nhật. Trong khoảng thời gian từ 9/11 đến luật ngày Chủ nhật, thiên sứ thứ ba của Khải Huyền đoạn 18 đại diện cho sự kết hợp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Vì thực tế này, việc dùng lịch sử của hai thiên sứ ấy theo nguyên tắc “dòng trên dòng” để trình bày lịch sử của thiên sứ thứ ba trong Khải Huyền đoạn 18 — là đặt thiên sứ thứ nhất và thứ hai song song với thiên sứ thứ nhất và thứ hai.

Hai thiên sứ đến vào thời điểm của sự thất vọng thứ nhất, và cả hai thiên sứ đều có liên hệ mang tính tiên tri, và cả hai đều có một sứ điệp thử thách ở trong tay thiên sứ. Dấu mốc kế tiếp được thể hiện trong dòng là các bảng của Ha-ba-cúc, vốn liên hệ trực tiếp với bàn tay của Đức Chúa Trời. Trong dòng của thiên sứ thứ nhất, biểu đồ năm 1843 được phát hành vào tháng Năm năm 1842, còn trong dòng của thiên sứ thứ hai thì không có biểu đồ. Biểu đồ ấy đã chấm dứt khi thiên sứ thứ hai đến. Dấu mốc về bảng của Ha-ba-cúc trong dòng của thiên sứ thứ hai là việc Đức Chúa Trời rút bàn tay Ngài khỏi một sai lầm trong các con số của biểu đồ 1843.

Tay Ngài đã che đậy một sai lầm tại dấu mốc của thiên sứ thứ nhất, và tại chính dấu mốc ấy, trên dòng tiên tri của thiên sứ thứ hai, Ngài đã rút tay lại. Vì vậy, dấu mốc của các bảng của Ha-ba-cúc trên các dòng song song của thiên sứ thứ nhất và thứ hai tượng trưng cho hai bước. Trong bước thứ nhất, tay Ngài che đậy một sai lầm; và vào cuối thời kỳ của dấu mốc các bảng của Ha-ba-cúc, Ngài rút tay lại. Thời kỳ trì hoãn bắt đầu với sự đến của thiên sứ thứ hai, và thời kỳ trì hoãn kết thúc dần dần, khởi đầu bằng việc Ngài rút tay lại. Dấu mốc các bảng của Ha-ba-cúc tượng trưng cho một giai đoạn thời gian được đánh dấu bởi tay của Đấng Christ ở lúc khởi đầu và bởi tay Ngài ở lúc kết thúc.

Hai bàn tay được ghi dấu tại nỗi thất vọng đầu tiên, và cả hai đều mang một sứ điệp thử thách phải được nhận lấy và ăn. Rồi một khoảng thời gian tiên tri, đại diện cho những lẽ thật nên tảng, bắt đầu với bàn tay của Đức Chúa Trời che phủ và kết thúc khi bàn tay Ngài cất sự che phủ. Dấu mốc tiếp theo là hội trại Exeter, nơi tiếng kêu lúc nửa đêm phân rẽ và thanh luyện những ai sẽ theo bàn tay của Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh.

Khi Đấng Christ bước vào Nơi Chí Thánh, Ngài giơ tay lên trời và thề rằng sẽ không còn thời gian nữa. Ngài vừa niêm phong "bảy tiếng sấm" vốn đại diện cho lịch sử của hai thiên sứ đầu tiên, được lặp lại trong lịch sử của thiên sứ thứ ba. Ngài đã niêm phong "bảy tiếng sấm" như Ngài đã niêm phong các lời tiên tri của Đa-ni-ên trong chương mười hai. Trong chương mười hai của sách Đa-ni-ên, vào thời kỳ tượng trưng thứ nhất trong ba thời kỳ, Đấng Christ giơ cả hai tay lên trời và tuyên bố rằng khi sự tan lạc của dân Đức Chúa Trời kết thúc, những người trở thành "những người khiến người ta kinh ngạc" sẽ được thanh tẩy và được nâng lên như một của lễ. Cấu trúc của thiên sứ thứ nhất và thứ hai mà chúng ta hiện đang xem xét, bày tỏ một cách tượng trưng bàn tay của Đức Chúa Trời trong từng bước.

Khi Ngài che khuất lẽ thật, điều đó gây nên một nỗi thất vọng; và khi Ngài rút tay Ngài ra, ánh sáng xuất hiện, và ánh sáng ấy là ánh sáng của sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm. Từ nỗi thất vọng thứ nhất đến nỗi thất vọng lớn mang dấu ấn của Anpha và Ômêga và được bày tỏ trong cấu trúc của lẽ thật. Khởi đầu tượng trưng cho kết thúc, và mọc ở giữa hai nỗi thất vọng mô tả hiệu quả của việc niêm phong và mở ấn các bảng của Ha-ba-cúc, vốn là sự mở ấn các nẻo xưa của Giê-rê-mi, và đại diện cho nền tảng mà trên đó đền thờ được dựng lên trước luật ngày Chủ nhật, khi đền thờ đã hoàn tất được nâng lên trên hết thảy các núi. Mốc ở giữa trong lời của lẽ thật tượng trưng cho sự phản loạn, và trong lịch sử được biểu thị bởi sự phân rẽ cuối cùng giữa lúa mì và cỏ lùng, bày tỏ sự phản loạn của các trinh nữ đại.

Cuộc phản loạn được biểu thị qua cột mốc về các bảng của Ha-ba-cúc được mô tả là mang tính tiên tri, vì đó không phải là một cột mốc đơn lẻ, mà là một giai đoạn có điểm khởi đầu và kết thúc được xác định, như được biểu thị bởi bàn tay của Đức Chúa Trời. Bàn tay của Đức Chúa Trời xuất hiện hai lần tại sự thất vọng thứ nhất, vì có hai thiên sứ, và cả hai đều có một thông điệp trong tay mình. Cột mốc tiếp theo của sự phản loạn có một bàn tay mở đầu và một bàn tay kết thúc, nên nó cũng có hai bàn tay trong các đặc tính tiên tri của nó. Cột mốc thứ ba của sự thất vọng lớn hơn xác định Đấng Christ giơ tay Ngài lên và thề hướng lên trời, ngay trong đoạn văn nơi bảy tiếng sấm được niêm phong, giống như chương mười hai của Đa-ni-ên. Ngay tại điểm thiên sứ đánh dấu sự kết thúc của cấu trúc tiên tri của hai thiên sứ đầu tiên mà chúng ta đang xem xét, Ngài chấm dứt việc áp dụng thời gian tiên tri và đặt chính Ngài vào một đoạn song song trong sách Đa-ni-ên, nơi Ngài không giơ một tay, nhưng giơ cả hai tay.

Trong Đa-ni-ên chương mười hai có ba thời kỳ tiên tri được mở ấn trong những ngày sau rốt, vì đó là điều xảy đến cho dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Điều đầu tiên được nhắc đến trong Khải tượng cao trào cuối cùng của Đa-ni-ên là việc Đa-ni-ên, người đại diện cho dân sót của Đức Chúa Trời, đã hiểu cả sự việc lẫn Khải tượng. Điều cuối cùng Đa-ni-ên ghi lại là cách sự gia tăng của tri thức được Sư Tử của chi phái Giu-đa sử dụng để tạo nên cuộc phục hưng và cải cách cuối cùng giữa dân Đức Chúa Trời, những người được phân biệt là những người hiểu biết. Ngài hoàn tất việc đóng ấn dân Ngài bằng cách mở ấn “bảy tiếng sấm” trong Khải Huyền, gắn liền với việc mở ấn “ba thời kỳ” của Đa-ni-ên chương mười hai.

Khi Đức Chúa Jêsus xác định rằng vào cuối ba ngày rưỡi mang tính tiên tri về việc làm tan tác quyền lực của dân của Đức Chúa Trời, mọi “điều lạ lùng” sẽ được hoàn tất - Ngài đang chỉ ra tháng Bảy năm 2023, khi ba ngày rưỡi chết trên đường phố trong Khải Huyền mười một đã kết thúc. Giờ đây, các “điều lạ lùng” sẽ được hoàn tất trước luật ngày Chủ nhật. Ngài đã đánh dấu tháng Bảy năm 2023 bằng cách giơ không chỉ một mà là cả hai tay. Qua đó, Ngài đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ trì hoãn, như khi Ngài rút tay khỏi chỗ sai lầm trong lịch sử Millerite. Sự thất vọng đầu tiên xảy ra vào ngày 18 tháng 7 năm 2020, theo kiểu mẫu của sự thất vọng đầu tiên của phong trào Millerite, và thời kỳ trì hoãn bắt đầu và kéo dài cho đến khi Ngài giơ tay lần thứ hai để nhóm hiệp dân sót lại của Ngài vào tháng Bảy năm 2023.

Sự thất vọng thứ nhất được biểu tượng bởi bàn tay của Đức Chúa Trời che phủ một sai lầm, mà đối với những người theo phái Miller là việc xác định năm 1843, thay vì ngày 22 tháng 10 năm 1844. Sự thất vọng ấy được biểu trưng trong câu mười hai của chương mười hai. Sự thất vọng thứ nhất

được biểu thị bởi bàn tay Ngài che phủ sai lầm ấy, và được tiêu biểu qua những người theo phái Miller đã trải qua sự thất vọng thứ nhất. Từ trong câu mười hai là “đến”. Phước cho ai chờ đợi, và ai “đến” 1335; phước cho ai “đến” với sự thất vọng ngày 19 tháng 4, 1844. Từ được dịch là “đến” có nghĩa là “chạm”. Những người theo phái Miller đã trải qua sự thất vọng thứ nhất khi năm 1843 chạm vào năm 1844. Câu mười hai của chương mười hai sách Đa-ni-ên xác định sự thất vọng thứ nhất của ngày 19 tháng 4, 1844, nhưng trực tiếp hơn là sự thất vọng thứ nhất của ngày 18 tháng 7, 2020.

Thời kỳ tiên tri thứ nhất và thời kỳ tiên tri cuối cùng trong ba thời kỳ được mở ấn vào thời kỳ cuối, khi sự hiểu biết được gia tăng và hoàn tất sự phân rẽ cuối cùng giữa lúa mì và cỏ lùng, qua đó xác định sự mở ấn của ánh sáng tiên tri vốn đóng ấn một trăm bốn mươi bốn nghìn, là cùng một thời kỳ tiên tri.

Dấu chấm thứ nhất của câu bảy là sự kết thúc của sự tản lạc của ba ngày rưỡi trong Khải Huyền 11 vào tháng 7 năm 2023, và dấu chấm ở câu mười hai là sự khởi đầu của cùng sự tản lạc đó vào ngày 18 tháng 7 năm 2020. Alpha và Omega đã đánh dấu lịch sử của bảy tiếng sấm trong Đa-ni-ên 12 là lịch sử bắt đầu từ sự thất vọng ngày 18 tháng 7 năm 2020 và kết thúc ba ngày rưỡi mang tính biểu tượng sau đó vào tháng 7 năm 2023. Cũng quan trọng không kém là khi Alpha và Omega đánh dấu sự khởi đầu và kết thúc của thời kỳ tri hoãn cuối cùng, Ngài không chỉ giơ một tay mà giơ cả hai tay lên trời và thề bởi Đấng hằng sống đời đời.

Con Thiên Chúa, cũng chính là Con Người, đang lập lời thề với Chúa Cha, ngay tại nơi khởi đầu của cao trào trong câu chuyện về dân giao ước của Thiên Chúa, khi Đức Kitô trước hết đã gọi Áp-ram bằng một lời hứa, rồi xác nhận lời hứa ấy bằng một lời thề. Hãy rời dép ra, vì nơi người đang đứng là đất thánh!

Chữ cái ở giữa của ba thời kỳ tiên tri chẳng gì khác hơn là sự ứng nghiệm omega của lời tiên tri về thời kỳ giao ước 430 năm của Áp-ram và Phao-lô, như được biểu thị trong 1290 năm của câu mười một. Được tiếp cận theo quan điểm Millerite, câu ấy xác định một giai đoạn ba mươi năm chuẩn bị cho quyền giáo hoàng, rồi tiếp theo là 1260 năm bách hại của quyền giáo hoàng. 430 năm của Áp-ram tượng trưng cho cảnh nô lệ và sự giải cứu trong một dân tộc cụ thể, cùng với ba mươi năm đầu tiên tượng trưng cho việc Chúa bước vào giao ước với Áp-ram. Ba mươi năm chuẩn bị cho các thầy tế lễ bắt đầu vào năm 1989, vào thời kỳ cuối cùng, và ba mươi năm ấy kết thúc tại thời điểm luật Chủ nhật, khi câu ấy cho biết sự góm ghiếc tàn phá sẽ được đặt ra, và rồi sẽ bách hại dân của Đức Chúa Trời trong 1260 năm biểu tượng, phù hợp với 42 tháng biểu tượng của Giăng trong Khải Huyền mười ba.

Phong trào cải cách của một trăm bốn mươi bốn ngàn bắt đầu vào năm 1989, khi Chúa khởi sự công việc chuẩn bị một hàng tư tế để phục vụ trong cuộc khủng hoảng lúc nửa đêm, bắt đầu từ luật ngày Chủ nhật. Đấng Alpha và Omega đứng trên mặt nước sông Hiddekel và giơ cả hai tay lên trời, thề rằng khi sự tản lạc từ ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến tháng 7 năm 2023 được hoàn tất, những điều kỳ diệu gắn liền với công việc của Đấng Christ kết hợp Thần tính của Ngài với nhân tính sẽ được hoàn tất.

Đây là cùng một lời phán của đoạn mười, trong chuỗi bảy tiếng sấm, vì ở đó Ngài không chỉ chấm dứt việc áp dụng thời gian theo tiên tri, mà còn xác định rằng trong những ngày tiếng kèn thứ bảy vang lên, mầu nhiệm của Đức Chúa Trời sẽ được hoàn tất. Đoạn song song trong Đa-ni-ên đoạn mười hai xác định rằng khi sự tản lạc chấm dứt vào tháng Bảy năm 2023, việc đóng ấn cho dân của Đức Chúa Trời sẽ được hoàn tất, điều này được biểu thị bởi tiếng kèn thứ bảy vang lên, trùng khớp với việc Đấng Christ giao tay và thề trong cả hai đoạn song song.

Giai đoạn tiên tri đầu tiên và giai đoạn tiên tri cuối cùng của sứ điệp ba phần trong Đa-ni-ên 12 mang dấu ấn Alpha và Ômêga. Giai đoạn tiên tri thứ nhất trong câu 7 xác định phần kết thúc của chính giai đoạn mà câu 12 đánh dấu phần khởi đầu. Ở giữa hai câu 7 và 12, lịch sử của thời kỳ cuối cùng từ năm 1989 cho đến lúc kết thúc thời kỳ ân điển được trình bày. Ở giữa giai đoạn Alpha của câu 7 và lịch sử Ômêga của câu 12, cuộc phản loạn cuối cùng của nhân loại từ luật ngày Chủ nhật cho đến khi Mi-ca-ên đứng dậy được trình bày, và điều đó được trình bày ngay trong chính chương mà Mi-ca-ên đứng dậy.

Cuộc nổi dậy của giai đoạn giữa chủ yếu là lịch sử bên ngoài của cuộc nổi dậy, nhưng ba mươi năm đầu là lịch sử nội bộ về sự chuẩn bị của các giáo sĩ, những người trực tiếp đối đầu với các lực lượng bên ngoài được biểu hiện trong giai đoạn 1260 tiếp theo.

Thời kỳ ở giữa tượng trưng cho sự phản loạn của chữ cái thứ mười ba trong bảng chữ cái Hê-bơ-rơ, và nó kết hợp với phần nội tại khi khắc họa trận chiến cuối cùng của đại tranh chiến trên địa cầu, trong khi thời kỳ ân điển còn kéo dài. Sự kết hợp giữa bên ngoài và bên trong ấy cũng là sứ điệp của khái tượng sau cùng của Đa-ni-ên, được biểu trưng bởi sông Hiddekel và bởi ba chương cũng mang dấu ấn của Alpha và Omega, đồng thời được xây dựng trên cấu trúc của lễ thật. Chương thứ nhất và chương cuối cùng đề cập đến việc đóng ấn dân của Đức Chúa Trời, những người được mô tả như các ngôi sao chiếu sáng đời đời. Chương giữa về sự phản loạn xác định cùng một lịch sử được trình bày trong câu mười một với 1.290 năm, vốn là câu ở giữa trong chính cấu trúc ấy.

Khi Đấng Christ vận dụng bàn tay Ngài trong khuôn khổ tiên tri, điều đó tượng trưng cho nhiều lễ thật, nhưng nó cũng tượng trưng cho con đường mà Ngài đang dẫn dắt dân Ngài đi. Sự khai thị về Đức Chúa Giê-su Christ bắt đầu được mở ấn vào tháng 7 năm 2023. Việc mở ấn đó bao gồm việc mở ấn bảy tiếng sấm và sứ điệp của Đa-ni-ên như được trình bày trong chương mười hai. Việc mở ấn diễn ra trong lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi, bắt đầu từ năm 1989 và kết thúc với Đạo luật Chủ nhật. Trong lịch sử ấy, dân Đức Chúa Trời sẽ được đóng ấn, và họ được đóng ấn bởi sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh. Sự tuôn đổ cuối cùng của Đức Thánh Linh được xác định trong chương tám của Khải Huyền, nơi nó được trình bày như ấn thứ bảy, và do đó là ấn cuối cùng. Sự tử của chi phái Giu-đa đã đắc thắng trong chương năm để mở sách được đóng bảy ấn.

Ấn thứ sáu đã đặt ra câu hỏi ở cuối chương sáu, hỏi rằng ai sẽ có thể đứng vững trong thời kỳ khi không còn sự trung gian cho tội lỗi nữa.

Vì ngày thịnh nộ lớn của Ngài đã đến; ai có thể đứng nổi? Khải Huyền 6:17.

Chương kế tiếp, hay cũng có thể nói là câu kế tiếp, giới thiệu việc ấn chứng cho một trăm bốn mươi bốn nghìn và đoàn dân rất đông được quy tụ vào Nước Đức Chúa Trời trong cuộc khủng

hoảng về luật ngày Chủ nhật. Một trăm bốn mươi bốn nghìn chính là câu trả lời cho câu hỏi của ấn thứ sáu. Sau khi họ được trình bày trong chương bảy, thì chương tám chỉ ra rằng ấn thứ bảy, ấn cuối cùng, được tháo bỏ.

Khi Ngài mở ấn thứ bảy, có sự im lặng trên trời khoảng nửa giờ. Tôi thấy bảy thiên sứ đứng trước Đức Chúa Trời; họ được ban cho bảy chiếc kèn. Một thiên sứ khác đến và đứng tại bàn thờ, tay cầm lọ hương bằng vàng; người ta ban cho người ấy rất nhiều hương để dâng cùng với những lời cầu nguyện của hết thảy các thánh đồ trên bàn thờ bằng vàng ở trước ngài. Khói của hương, cùng với những lời cầu nguyện của các thánh đồ, bốc lên trước mặt Đức Chúa Trời từ tay thiên sứ.

Và thiên sứ lấy lọ hương, đổ đầy lửa từ bàn thờ, rồi ném nó xuống đất: và có những tiếng, sấm, chớp, và một trận động đất. Khải Huyền 8:1-5.

“Lửa,” được mô tả trong Ê-sai đoạn sáu như một “than hồng,” mà Bà White xác định là biểu tượng của sự thanh luyện, được lấy từ bàn thờ và ném xuống đất. “Lửa” từ trời tại Lễ Ngũ Tuần đã hiện ra như những lưỡi “lửa.” “Lửa” là điều mà Sứ giả của Giao ước dùng để thanh luyện con cái Lê-vi.

"Cái nia ở trong tay Ngài, Ngài sẽ dọn sạch sân lúa Ngài, và thu lúa mình vào lẫm.' Ma-thi-ơ 3:12. Đây là một trong những thời kỳ sàng sảy. Qua lời của lễ thật, trấu đang được tách khỏi lúa. Vì họ quá phù phiếm và tự cho mình là công chính để nhận lời quở trách, quá yếu thế gian để chấp nhận một đời sống khiêm nhường, nhiều người đã quay lưng khỏi Chúa Giê-su. Nhiều người vẫn đang làm như thế. Các linh hồn hôm nay cũng được thử thách như các môn đồ trong hội đường tại Capernaum. Khi lễ thật chạm đến tâm lòng, họ thấy đời sống mình không phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời. Họ thấy cần có một sự thay đổi toàn diện nơi chính mình; nhưng họ không sẵn lòng chấp nhận đời sống tự bỏ mình. Bởi vậy họ giận dữ khi tội lỗi mình bị phơi bày. Họ phật ý bỏ đi, cũng như các môn đồ đã lìa bỏ Chúa Giê-su, lẫm bầm: 'Lời này thật khó; ai nghe được?'" Khát vọng của các thời đại, 392.

Chính lửa đã giáng xuống trên lễ dâng của Ê-li, cũng như trên lễ dâng của Ghê-đê-ôn dâng cho thiên sứ. "Lửa" của sự thanh tẩy là Lời Đức Chúa Trời, vì được nên thánh là được thánh hóa bởi Lời Ngài. "Lửa" được ném xuống đất khi ấn thứ bảy được mở chỉ ra sự ban quyền năng cho sứ điệp tiên tri được mở ấn trong thời kỳ sau rốt, trong khi kèn thứ bảy vang lên, trong sự ứng nghiệm cuối cùng và trọn vẹn của các biến cố được biểu trưng bởi bảy tiếng sấm và được xác nhận bởi ba thời kỳ tiên tri của Đa-ni-ên đoạn mười hai, vốn đã bị niêm phong cho đến thời kỳ sau rốt.

Sự mạc khải của Đức Chúa Giê-su Christ được mở ấn ngay trước khi kết thúc thời kỳ ân điển của loài người — bao gồm sự mở ấn của bảy tiếng sấm, việc tháo bỏ ấn thứ bảy, sự mở ấn của Đa-ni-ên đoạn mười hai, và sự mở ấn lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi trong Đa-ni-ên đoạn mười một, chính lịch sử nơi thiên sứ đã hỏi Người mặc áo vải gai rằng kết cuộc của những điều kỳ diệu này sẽ là gì.

Người mặc vải lanh đáp và nói: Khi bạn đến đoạn kết của thời kỳ chờ đợi vào tháng Bảy năm 2023, bạn đã bước vào lịch sử về sự đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Ông cũng nói rằng—vào cuối ba ngày rưỡi mang tính tượng trưng của Khải Huyền đoạn mười một, một sứ điệp tiên tri từ sách Đa-ni-ên sẽ được mở ấn, như được tiêu biểu bởi thời kỳ cuối cùng vào năm 1798. Lễ thật khi ấy sẽ được mở ấn, vào cuối ba ngày rưỡi mang tính tượng trưng, sẽ được tìm thấy trong chính chín câu của sách Đa-ni-ên, những câu xác định và định nghĩa việc đóng ấn và mở ấn của sách Đa-ni-ên.

Chúng ta sẽ tiếp tục những nội dung này trong bài viết tiếp theo.

Khi Đấng Christ đến trần gian, những truyền thống truyền từ đời này sang đời khác, và sự giải nghĩa Kinh Thánh theo ý người, đã che khuất lễ thật như vốn có trong Chúa Giê-su khỏi loài người. Lễ thật bị chôn vùi dưới lớp truyền thống chồng chất. Ý nghĩa thuộc linh của các sách thánh đã bị đánh mất; vì bởi sự vô tín của mình, loài người đã khóa chặt cánh cửa của kho tàng trên trời. Bóng tối bao phủ khắp đất, và sự u tối dày đặc bao trùm dân chúng. Lễ thật từ trời nhìn xuống đất; nhưng dấu ấn của Đức Chúa Trời chẳng được bày tỏ nơi đâu. Một màn u ám như tấm khăn tang của sự chết bao trùm khắp đất.

"Nhưng Sư Tử của chi phái Giu-đa đã đắc thắng. Ngài đã mở ấn đóng kín cuốn sách của giáo huấn thiêng liêng. Thế gian được phép chiêm ngưỡng lễ thật thuần khiết, không pha tạp. Chính lễ thật đã giáng xuống để xua tan bóng tối và chống lại sai lầm. Một Vị Thầy đã được sai từ thiên đàng, mang theo ánh sáng sẽ soi sáng mọi người khi đến thế gian. Có những người nam và nữ đang khao khát tìm kiếm tri thức, lời tiên tri chắc chắn, và khi điều đó đến, nó như ánh sáng chiếu rọi nơi tối tăm." Spalding Magan, 58.

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tự nhận là giải thích Kinh Thánh, nhưng họ giải thích theo quan niệm và truyền thống của chính mình. Tập tục và luật lệ của họ trở nên ngày càng khắt khe. Trong ý nghĩa thuộc linh, Lời thánh đã trở nên đối với dân chúng như một cuốn sách được niêm phong, khép kín trước sự hiểu biết của họ. Signs of the Times, 17 tháng 5, 1905.